

MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6

I) Khung ma trận

- Thời điểm kiểm tra:

Nội dung:

- Thời gian làm bài:

- Hình thức kiểm tra: Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).

- Cấu trúc:

- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.
- Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm, (gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 12 câu, thông hiểu: 4 câu), mỗi câu 0,25 điểm;
- Phần tự luận: 4,0 điểm (Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).
- Nội dung: 7 tuần đầu của HKII: 100% (10.0 điểm)

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu/số ý		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đa dạng năm (4 tiết)		4	1(1 ý)						1(1 ý)	4	1,5
Đa dạng thực vật (7 tiết)			1 (2 ý)	2	1(1 ý)				2 (3 ý)	2	2,5
Đa dạng động vật (8 tiết)	1(1 ý)	2		2	1(2 ý)				2 (3 ý)	4	3,0
Vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên. (4 tiết)		6								6	1,5
Bảo vệ đa dạng sinh học (2 tiết)					1(1 ý)				1(1 ý)		0,5

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu/số ý		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên. (3 tiết)							1(2 ý)		1(2 ý)		1,0
Số câu TN/ Số ý TL	1	12	3	4	4		2		10	16	
Điểm số	1,0	3,0	2,0	1,0	2,0		1,0		6,0	4,0	
Tổng số điểm	4,0 điểm		3,0 điểm		2,0 điểm		1,0 điểm		16 câu/ 4 Câu (10 ý)		10,0 điểm

Xem thêm tại Website VnTeach.Com <https://www.vnteach.com>

II. BẢN ĐẶC TẢ:

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
Chủ đề 8: Đa dạng thế giới sống (28 tiết)						
Đa dạng nấm (4 tiết)						
- Sự đa dạng nấm. - Vai trò của nấm. - Một số bệnh do nấm gây ra.	Nhận biết	Nêu được một số bệnh do nấm gây ra. - Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm.		1 3		C1 C2,3,4
	Thông hiểu	- Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc,...). - Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra.	1		C17 (1 ý)	
	Vận dụng	Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp).				
	Vận dụng cao	Vận dụng được hiểu biết về nấm vào giải thích một số hiện tượng trong đời sống như kĩ thuật trồng nấm, nấm ăn được, nấm độc, ...				
Đa dạng thực vật (7 tiết)						
- Sự đa dạng. - Thực hành.	Thông hiểu	- Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín). - Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và	3		C18a (2 ý)	

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...).		2		C5,6
	Vận dụng	Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học.	1		C18b (1 ý)	
Đa dạng động vật (8 tiết)						
Sự đa dạng. - Thực hành.	Nhận biết:	Nêu được một số vai trò, tác hại của động vật trong đời sống.	1	2	C20a (1 ý)	C8,C7
	Thông hiểu:	- Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh họa. - Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình. - Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình.		2	C20b (2 ý)	C9,10
	Vận dụng:	Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên.	2			
Vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên. (4 tiết)						
	Nhận biết:	Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường, ...)		6		C11,12,13,14,15,16

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
Bảo vệ đa dạng sinh học (2 tiết)						
	Vận dụng:	Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học.	1		C19 (1 ý)	
Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên. (3 tiết)						
	Vận dụng cao:	- Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận. - Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...). - Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật. - Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên. - Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống). - Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.	2		C20c (2 ý)	

III. ĐỀ KIỂM TRA:

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6

Thời gian làm bài: 60 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Câu 1. Trong số các bệnh sau đây, bệnh nào do nấm gây ra?

- A. Bệnh sốt rét. B. Gây bệnh Covid 19 ở người..
C. Bệnh lao phổi. **D. Bệnh hắc lào, lang ben**

Câu 2: Loại nấm nào dưới đây là nấm đơn bào?

- A. Nấm rơm B. Nấm linh chi. **C. Nấm men.** D. Nấm mèo.

Câu 3. Vòng cuống nấm và bao gốc nấm là đặc điểm có ở loại nấm nào?

- A. Nấm mốc B. Nấm đơn bào **C. Nấm độc** D. Nấm ăn được

Câu 4: Tên của loại nấm sau?



- A. Nấm độc đỏ (nấm ruồi)** B. Nấm men C. Nấm độc tán trắng D. Nấm men

Câu 5. Thực vật nào dưới đây được xếp vào nhóm thực vật Hạt kín?

A. Dương xỉ B. Cây thông C. Rêu **D. Cây lúa**

Câu 6. Đặc điểm nào dưới đây chỉ có ở dương xỉ mà không có ở rêu?

A. Sinh sản bằng bào tử **B. Thân có mạch dẫn** C. Có lá thật D. Chưa có rễ chính thức

Câu 7. Thủy tức là đại diện của nhóm động vật nào sau đây:

A. Ruột khoang B. Giun chỉ C. Thân mềm D. Chân khớp

Câu 8. Loài động vật nào chuyên đục ruỗng các đồ dùng bằng gỗ trong gia đình:

A. Mối B. Rận C. Ốc sên D. Bọ chét

Câu 9. Đặc điểm để phân biệt động vật có xương sống với động vật không xương sống là

A. Số loài đông. B. đẻ nhiều trứng C. Có bộ lông dày, rậm. **D. Có xương cột sống chứa tủy sống.**

Câu 10. Động vật có xương sống bao gồm:

A. cá, lưỡng cư, bò sát, chim, thú B. cá, chân khớp, bò sát, chim, thú
C. thân mềm, lưỡng cư, bò sát, chim, thú D. cá, lưỡng cư, ruột khoang, chim, thú

Câu 11. Trong các sinh cảnh sau, sinh cảnh nào có đa dạng sinh học lớn nhất?

A. Hoang mạc. B. Rừng ôn đới. **C. Rừng mưa nhiệt đới.** D. Đài nguyên.

Câu 12. Biện pháp nào sau đây không phải là bảo vệ đa dạng sinh học?

A. Nghiêm cấm phá rừng để bảo vệ môi trường sống của các loài sinh vật.
B, Cấm săn bắt, buôn bán, sử dụng trái phép các loài động vật hoang dã.
C Tuyên truyền, giáo dục rộng rãi trong nhân dân để mọi người tham gia bảo vệ rừng.
D. Dừng hết mọi hoạt động khai thác động vật, thực vật của con người.

Câu 13. Trong các sinh cảnh sau, sinh cảnh nào có độ đa dạng thấp nhất?

A. Hoang mạc B. Rừng ôn đới C. Thảo nguyên D. Thái Bình Dương

Câu 14. Vai trò nào dưới đây không phải của đa dạng sinh học đối với tự nhiên?

A. Điều hòa khí hậu C. Bảo vệ nguồn nước
B. Cung cấp nguồn dược liệu D. Duy trì sự ổn định của hệ sinh thái

Câu 15. Hành động nào dưới đây là hành động bảo vệ đa dạng sinh học?

A. Khai thác tối đa nguồn lợi từ rừng B. Đánh bắt cá bằng lưới có mắt với kích thước nhỏ
C. Săn bắt động vật quý hiếm **D. Bảo tồn động vật hoang dã**

Câu 16. Rừng tự nhiên không có vai trò nào sau đây?

A. Điều hòa khí hậu **B. Cung cấp đất phi nông nghiệp**
C. Bảo vệ đất và nước trong tự nhiên D. Là nơi ở của các loài động vật hoang dã

B. TỰ LUẬN(6,0 điểm)

Câu 17. (1điểm) Trình bày vai trò của nấm trong tự nhiên và trong đời sống con người?

Câu 18. (1,5 điểm)

a. Thực vật có vai trò gì đối với đời sống con người? (0,5 điểm)

b. Cho các loài thực vật sau, em hãy sắp xếp các thực vật sau theo từng nhóm phù hợp và xác định đặc điểm mỗi nhóm? (1,0đ)

(1) Cây rau bợ . (2) Cây dương xỉ. (3) Cây bưởi . (4) Cây lúa.

Câu 19 (1,0 điểm) Vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học?

Câu 20 (2,5 điểm)

a. Động vật có những vai trò gì trong cuộc sống hằng ngày của em? (0,5đ)

b. Cho các loài động vật sau, em hãy sắp xếp các động vật sau theo từng nhóm phù hợp và xác định đặc điểm mỗi nhóm? (1,0đ)

(1) Ốc . (2) Nhện. (3) Châu chấu. (4) Mực.

c. Kể tên một số động vật xung quanh em và cho biết vai trò của chúng. (1,0đ)

STT	Tên động vật	Vai trò
1		
2		
3		
4		

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 2
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6

I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm) Mỗi đáp án đúng 0,25 đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	C	D	C	A	D	B	A	A	D	A	C	D	A	B	D	B

II. TỰ LUẬN: (6 điểm)

Câu hỏi	Đáp án	Biểu điểm
Câu 17. a (0,5điểm) Em hãy trình bày vai trò của nấm trong tự nhiên và trong đời sống con người?	- Trong tự nhiên: tham gia vào quá trình phân hủy chất thải và xác động vật, thực vật thành các chất đơn giản cung cấp cho cây xanh và làm sạch môi trường. - Trong đời sống con người: nhiều loại nấm được sử dụng trực tiếp làm thức ăn, một số loại được dùng làm thuốc, ... Trong công nghiệp chế biến thực phẩm, nấm men còn được sử dụng trong sản xuất bánh mì, bia, rượu, ...	0,25 đ 0,25 đ
Câu 18 a. (0,5 điểm) Thực vật có vai trò gì đối với đời sống con người?	- Vai trò của TV trong tự nhiên + Cung cấp khí oxi và thức ăn , nơi ở cho nhiều loài sinh vật khác. + Góp phần giữ cân bằng hàm lượng khí oxygen và carbon dioxide trong không khí, điều hòa khí hậu, chống xói mòn đất, hạn chế lũ lụt, hạn hán...	0,25 đ 0,25 đ
Câu 18 b. (1,0 điểm) Cho các loài thực vật sau, em hãy sắp xếp các thực vật sau theo	- Chia 2 nhóm + Dương xỉ: Cây rau bợ, dương xỉ + Hạt kín: cây bưởi, cây lúa	0,25 đ 0,25 đ

từng nhóm phù hợp và xác định đặc điểm mỗi nhóm? (1) Cây rau bợ (2) Cây dương xỉ. (3) Cây bưởi . (4) Cây lúa.	- Đặc điểm của từng nhóm. + Dương xỉ: Có mạch dẫn, không có hạt. + Hạt kín: Có mạch dẫn, có hạt, có hoa.	0,25 đ 0,25 đ
Câu 19: (1,0 điểm) Vì sao chúng ta cần bảo vệ đa dạng sinh học?	Chúng ta cần bảo vệ đa dạng sinh học: - Tạo sự cân bằng sinh thái trong tự nhiên, giảm nguy cơ tuyệt chủng các giống loài. - Giữ gìn nguồn tài nguyên cung ứng cho đời sống con người, đảm bảo các lợi ích nông nghiệp, y học..., đảm bảo lợi ích vật chất kinh tế và gia strij tinh thần vô hình. - Điều tiết và bảo vệ môi trường.	0,25 đ 0,5 đ 0,25 đ
Câu 20a: (0,5 điểm) Động vật có những vai trò gì trong cuộc sống hằng ngày của em?	- Động vật có vai trò quan trọng trong cuộc sống hằng ngày: + chúng cung cấp thức ăn + các sản phẩm từ động vật được sử dụng làm đồ mỹ nghệ và đồ trang sức + phục vụ giải trí, ... + Cung cấp sức kéo.	0,25 đ 0,25 đ
Câu 20b: Cho các loài động vật sau, em hãy sắp xếp các động vật sau theo từng nhóm phù hợp và xác định đặc điểm mỗi nhóm? (1,0đ)	*Chia 2 nhóm: + Ngành thân mềm: Mực, ốc. + Ngành chân khớp: nhện, châu chấu * Xác định đặc điểm mỗi nhóm: + Ngành thân mềm:	0,5 đ 0,25 đ

(1) Ốc . (2) Nhện. (3) Châu chấu. (4) Mực.	Cơ thể mềm, không phân đốt, đa số có lớp vỏ cứng bên ngoài bảo vệ cơ thể. + Ngành chân khớp: Có bộ xương ngoài bằng chất kitin bảo vệ cơ thể, các chân phân đốt, có khớp động linh hoạt	0,25 đ															
Câu 20c (1,0 điểm) Kể tên một số động vật xung quanh em và cho biết vai trò của chúng. a)	<table border="1"> <thead> <tr> <th>STT</th><th>Tên động vật</th><th>Vai trò</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td><td>Con Trâu</td><td>cung cấp thịt, sức kéo.</td></tr> <tr> <td>2</td><td>Con Chó:</td><td>giúp trông nhà, giải trí...</td></tr> <tr> <td>3</td><td>Con Gà</td><td>lấy trứng,lấy thịt.</td></tr> <tr> <td>4</td><td>Con Mèo</td><td>bắt chuột</td></tr> </tbody> </table> Học sinh có thể kể tên những con vật khác và nêu đúng vai trò vẫn cho điểm (nêu ít nhất 4 con vật)	STT	Tên động vật	Vai trò	1	Con Trâu	cung cấp thịt, sức kéo.	2	Con Chó:	giúp trông nhà, giải trí...	3	Con Gà	lấy trứng,lấy thịt.	4	Con Mèo	bắt chuột	0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ
STT	Tên động vật	Vai trò															
1	Con Trâu	cung cấp thịt, sức kéo.															
2	Con Chó:	giúp trông nhà, giải trí...															
3	Con Gà	lấy trứng,lấy thịt.															
4	Con Mèo	bắt chuột															

